

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thủy sản,
Biển và Hải đảo thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh,
Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện và các cơ quan
có liên quan trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

*Căn cứ Nghị định số 63/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm
soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm
soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng
Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025 của Bộ Nông
nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong
lĩnh vực Biển và Hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ
Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông
nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực
Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và
Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 1003/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025 của Bộ Nông
nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực
Biển và Hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông
nghiệp và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số
277/TTr-SNNMT ngày 08/5/2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 42 (bốn mươi hai)
thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thủy sản, Biển và Hải đảo thuộc thẩm quyền
giải quyết của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện
và các cơ quan có liên quan trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Trường hợp các quy trình không thay đổi về nội dung, chỉ thay đổi mã số TTHC thì lập Danh sách các quy trình giải quyết TTHC/cung cấp dịch vụ công trực tuyến gửi Sở Khoa học và Công nghệ để điều chỉnh các mã số quy trình trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

Trường hợp các quy trình không thay đổi về nội dung, chỉ thay đổi mã số TTHC thì lập Danh sách các quy trình giải quyết TTHC/cung cấp dịch vụ công trực tuyến gửi Sở Khoa học và Công nghệ để điều chỉnh các mã số quy trình trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Hành chính công tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm soát TTHC-CPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử QB;
- Lưu VT, KSTTHC.

PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Văn

Đoàn Ngọc Lâm

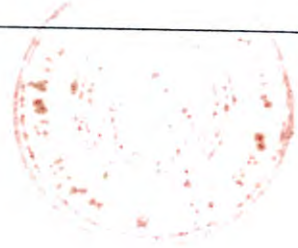
Đoàn Ngọc Lâm

Phụ lục

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THỦY SẢN, BIỂN VÀ HẢI ĐẢO THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH, SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, UBND CẤP HUYỆN VÀ CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 4638/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình)

Số TT	Tên TTHC/Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
A DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
I Lĩnh vực Thủy sản					
1	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai Cấp huyện trở lên) (1.004923.000.00.00.H46)	63 ngày làm việc, trong đó: - Công khai phương án: 03 ngày làm việc; - Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng: 60 ngày.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới	Không quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
2	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai Cấp huyện trở lên) (1.004921.000.00.00.H46)	- Đối với thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: Trong thời hạn 07 ngày làm việc. - Đối với sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới	Không quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

		sản: 63 ngày làm việc, trong đó: + Công khai phương án: 03 ngày làm việc; + Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định công nhân và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng: 60 ngày làm việc.			
3	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ) (1.004918.000.00.00.H46)	- Trường hợp cấp mới: 13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định. - Trường hợp cấp lại: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới	Không quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
4	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) (1.004915.000.00.00.H46)	- Trường hợp cấp mới: 13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định. - Trường hợp cấp lại: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới	Mức thu phí 5.700.000 đồng/lần (có hoạt động sản xuất).	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của

					Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Thông tư số 112/2021/TT-BTC ngày 15/12/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực quản lý nuôi trồng thủy sản.
5	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu) (1.004913.000.00.00.H46)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới	Không quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
6	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá. (1.004697.000.00.00.H46)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới	Không quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số

					điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
7	Công bố mở cảng cá loại 2 (1.004694.000.00.00.H46)	06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới	Không quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
8	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực. (1.004692.000.00.00.H46)	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới	Không quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
9	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong	- Trường hợp cấp mới: 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09	Không quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi

	phạm vi 06 hải lý) (1.004684.000.00.00.H46)	- Trường hợp cấp lại/gia hạn: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.	đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới		tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
10	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng (1.004680.000.00.00.H46)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới	Không quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
11	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên. (1.004656.000.00.00.H46)	- 03 ngày làm việc (đối với xác nhận nguồn gốc), kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định; - 07 ngày làm việc (đối với xác nhận mẫu vật), kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới	Không quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
12	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản. (1.004359.000.00.00.H46)	- Trường hợp cấp mới: 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng	Lệ phí cấp mới 40.000 đồng/lần; lệ	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi

		định. - Trường hợp cấp lại: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.	Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới	phí cấp lại 20.000 đồng/lần	tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản
13	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển. (1.004344.000.00.00.H46)	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới	Không quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

14	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá. (1.004056.000.00.00.H46)	19 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới	Không quy định	- Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản. - Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.
15	Xóa đăng ký tàu cá. (1.003681.000.00.00.H46)	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới	Không quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ NN&PTNT quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ NN&PTNT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực Thủy sản .
16	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu) (1.003666.000.00.00.H46)	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới	Không quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ NN&PTNT quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng

					nhận nguồn gốc thủy sản khai thác; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ NN&PTNT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực Thủy sản .
17	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá. (1.003650.000.00.00.H46)	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới	Không quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ NN&PTNT quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ NN&PTNT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực Thủy sản ; - Thông tư số 06/2024/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2024 của Bộ NN&PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ NN&PTNT quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá
18	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá. (1.003634.000.00.00.H46)	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng	Không quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT

			Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới		ngày 15/11/2018 của Bộ NN&PTNT quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ NN&PTNT Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực Thủy sản .
19	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá. (1.003586.000.00.00.H46)	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới	Không quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ NN&PTNT quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ NN&PTNT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực Thủy sản .
II Lĩnh vực Biển và Hải đảo					
1	Giao khu vực biển (cấp tỉnh) (1.005401.000.00.00.H46)	Tổng thời gian giải quyết TTHC tối đa 58 ngày làm việc (không tính thời gian gửi văn bản lấy ý kiến; kiểm tra thực địa; thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ của tổ	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành	Không quy định	- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

		chức, cá nhân)	phố Đồng Hới		- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TNMT, Biển và Hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển
2	Công nhận khu vực biển cấp tỉnh. (1.009481.000.00.00.H46)	Tổng thời gian giải quyết TTHC tối đa 23 ngày làm việc (không tính thời gian gửi văn bản lấy ý kiến; kiểm tra thực địa; thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ của tổ chức, cá nhân)	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới	Không quy định	- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; - Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TNMT, Biển và Hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.
3	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển (cấp tỉnh) (1.005400.000.00.00.H46)	Tổng thời gian giải quyết TTHC tối đa 43 ngày làm việc (không tính thời gian gửi văn bản lấy ý kiến; kiểm tra thực địa; thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ của tổ	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành	Không quy định	- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

		chức, cá nhân)	phố Đồng Hới		- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TNMT, Biển và Hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.
4	Trả lại khu vực biển (cấp tỉnh) (1.005399.000.00.00.H46)	Tổng thời gian giải quyết TTHC tối đa 33 ngày làm việc đối với trả lại một phần; 28 ngày làm việc đối với trả lại toàn bộ (Không tính thời gian gửi văn bản lấy ý kiến; kiểm tra thực địa; thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ của tổ chức, cá nhân)	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới	Không quy định	- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; - Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TNMT, Biển và Hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.
5	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh) (1.005189.000.00.00.H46)	Tổng thời gian giải quyết TTHC tối đa 74 ngày làm việc (không tính thời gian gửi văn bản lấy ý kiến; kiểm tra thực địa; thời gian chỉnh	Trung tâm phục	Không quy định	- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

		sửa, bổ sung hồ sơ của tổ chức, cá nhân)	vụ Hành chính công tỉnh Quảng Binh, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới		- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TNMT, Biển và Hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.
6	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển (cấp tỉnh). (1.004935.000.00.00.H46)	Tổng thời gian giải quyết TTHC tối đa 75 ngày làm việc (không tính thời gian gửi văn bản lấy ý kiến; kiểm tra thực địa; thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ của tổ chức, cá nhân)	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới	Lệ phí 22.500.000 đồng/giấy phép	- Luật TNMT, Biển và Hải đảo . - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TNMT, Biển và Hải đảo . - Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển. - Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TNMT, Biển và Hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

					- Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.
7	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh). (2.000472.000.00.00.H46)	Tổng thời gian giải quyết TTHC tối đa 59 ngày làm việc (không tính thời gian gửi văn bản lấy ý kiến; kiểm tra thực địa; thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ của tổ chức, cá nhân)	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới	Lệ phí 17.500.000 đồng/giấy phép	- Luật TNMT, Biển và Hải đảo . - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TNMT, Biển và Hải đảo . - Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển. - Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TNMT, Biển và Hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển. - Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.
8	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	Tổng thời gian giải quyết TTHC tối đa 44 ngày làm việc (không tính thời gian		Lệ phí 12.500.000 đồng/giấy	- Luật TNMT, Biển và Hải đảo . - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày

	(1.000969.000.00.00.H46)	gửi văn bản lấy ý kiến; kiểm tra thực địa; thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ của tổ chức, cá nhân)	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới	phép	15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TNMT, Biển và Hải đảo . - Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển. - Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TNMT, Biển và Hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển. - Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.
9	Trả lại giấy phép nhận chìm (cấp tỉnh) (1.000942.000.00.00.H46)	Tổng thời gian giải quyết TTHC tối đa 59 ngày làm việc (không tính thời gian gửi văn bản lấy ý kiến; kiểm tra thực địa; thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ của tổ chức, cá nhân)	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang	Không quy định	- Luật TNMT, Biển và Hải đảo ; - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TNMT, Biển và Hải đảo . - Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

			Trung, thành phố Đồng Hới		dụng tài nguyên biển. - Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TNMT, Biển và Hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.
10	Cấp lại giấy phép nhận chìm (cấp tỉnh) (2.000444.000.00.00.H46)	Tổng thời gian giải quyết TTHC tối đa 29 ngày làm việc (không tính thời gian gửi văn bản lấy ý kiến; kiểm tra thực địa; thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ của tổ chức, cá nhân.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới	Lệ phí 7.000.000 đồng/giấy phép	- Luật TNMT, Biển và Hải đảo . - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TNMT, Biển và Hải đảo . - Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển. - Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TNMT, Biển và Hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai

					thác, sử dụng tài nguyên biển. - Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.
11	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu (cấp tỉnh) (1.000705.000.00.00.H46)	38 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới	Không quy định	- Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/06/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25/8/2016 của Bộ TN&MT quy định về xây dựng, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; - Thông tư số 23/2023/TT-BTNMT ngày 28/12/2023 của Bộ TN&MT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25/8/2016 quy định về xây dựng, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
12	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử (cấp tỉnh). (1.005181.000.00.00.H46)	38 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Bình, số 09 đường Quang Trung, thành phố Đồng Hới	Không quy định	- Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25/8/2016 của Bộ TN&MT quy định về xây dựng, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; - Thông tư số 23/2023/TT-BTNMT ngày 28/12/2023 của Bộ TN&MT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25/8/2016 quy định về xây dựng, khai

thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

B DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

I Lĩnh vực Thủy sản

1	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) (1.004498.000.00.00.H46)	- Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; - Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: 63 ngày làm việc, trong đó: + Công khai phương án: 03 ngày làm việc; + Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng: 60 ngày.	Cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện	Không quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
2	Công bố mở cảng cá loại 3 (1.004478.000.00.00.H46)	06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.	Cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện	Không quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành

					Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
3	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý). <i>(1.003956.000.00.00.H46)</i>	63 ngày làm việc, trong đó: - Công khai phương án: 03 ngày làm việc; - Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng: 60 ngày.	Cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện	Không quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
II Lĩnh vực Biển và Hải đảo					
1	Giao khu vực biển cấp huyện. <i>(1.009483.000.00.00.H46)</i>	Tổng thời gian giải quyết TTHC tối đa 43 ngày làm việc (Không tính thời gian gửi văn bản lấy ý kiến; kiểm tra thực địa; thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ của tổ chức, cá nhân)	Cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện	Không quy định	- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; - Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TNMT, Biển và Hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai

					thác, sử dụng tài nguyên biển.
2	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cấp huyện. (1.009484.000.00.00.H46)	Tổng thời gian giải quyết TTHC tối đa 43 ngày làm việc (Không tính thời gian gửi văn bản lấy ý kiến; kiểm tra thực địa; thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ của tổ chức, cá nhân)	Cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện	Không quy định	- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; - Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TNMT, Biển và Hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.
3	Trả lại khu vực biển cấp huyện. (1.009485.000.00.00.H46)	Tổng thời gian giải quyết TTHC tối đa 33 ngày làm việc đối với trả lại một phần; 23 ngày làm việc đối với trả lại toàn bộ khu vực biển (Không tính thời gian gửi văn bản lấy ý kiến; kiểm tra thực địa; thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ của tổ chức, cá nhân)	Cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện	Không quy định	- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; - Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TNMT, Biển và

					Hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.
4	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển cấp huyện. (1.009486.000.00.00.H46)	Tổng thời gian giải quyết TTHC tối đa 43 ngày làm việc (Không tính thời gian gửi văn bản lấy ý kiến; kiểm tra thực địa; thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ của tổ chức, cá nhân)	Cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện	Không quy định	- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; - Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TNMT, Biển và Hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.
5	Công nhận khu vực biển cấp huyện (1.009482.000.00.00.H46)	Tổng thời gian giải quyết TTHC tối đa 23 ngày làm việc (Không tính thời gian gửi văn bản lấy ý kiến; kiểm tra thực địa; thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ của tổ chức, cá nhân)	Cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện	Không quy định	- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; - Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TNMT, Biển và

Hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

C DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO CƠ QUAN KHÁC THỰC HIỆN

1

Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)
(1.003593.000.00.00.H46)

02 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định

Tổ chức quản lý cảng cá cấp tỉnh

Nộp
150.000
đồng + (số
tấn thủy sản
x 15.000
đồng/tấn);
Tối đa
700.000
đồng/lần
theo Thông
tư số
118/2018/T
BTC ngày
28/11/2018

- Luật Thủy sản năm 2017;
- Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ NN&PTNT quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác.

2	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá (1.003590.000.00.00.H46)	20 ngày (đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu) hoặc 10 ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi).	Cơ sở đăng kiểm tàu cá trên địa bàn tỉnh	5% giá thiết kế, theo Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ Tài chính.	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ NN&PTNT quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ NN&PTNT Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực Thủy sản . - Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.
3	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá (1.003563.000.00.00.H46)	03 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành kiểm tra	Cơ sở đăng kiểm tàu cá trên địa bàn tỉnh	Theo từng hạng mục Mục II Biểu phí, lệ phí ban hành kèm theo	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ NN&PTNT quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm

				Thông tư số 94/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính. ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ NN&PTNT Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực Thủy sản . - Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.
--	--	--	--	--